

Số: 439/2020/QĐST-HNGĐ

Bến Cát, ngày 17 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 774/2020/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: Tổ 10B, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, buôn Z, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 10B, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mộng N và ông Nguyễn Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng N và ông Nguyễn Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 02/12/2009 cho bà Nguyễn Thị Mộng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông

Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Mộng N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông Nguyễn Ngọc H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Mộng N phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0048090 ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát nên bà N được khấu trừ và nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Hoàng An